

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT
thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo,
điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và
dự toán ngân sách nhà nước năm 2013**

VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐẾN Số: 143
Ngày 19.2.2013

Chuyển

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/ NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Bộ NN&PTNT;
- Công đoàn Ngành NN&PTNT;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu VT, KH.



Cao Đức Phát

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP
NGÀY 07/01/2013 CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 158/QĐ-BNN-KH
ngày 23 tháng 01 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Ngày 07 tháng 01 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013. Để thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa và tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ

Năm 2013 là năm bản lề triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm 2011-2015 và tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và thực hiện Nghị quyết Hội nghị TW lần thứ 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2013 của ngành sẽ góp phần quan trọng vào tăng trưởng chung của nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội, xây dựng nông thôn ngày càng giàu, đẹp.

Dự báo, kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm trong năm 2013. Kinh tế trong nước vẫn sẽ gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến tăng trưởng đòi hỏi phải đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế. Trong nông nghiệp, sự biến đổi khí hậu, biến động của thị trường, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ngày càng phức tạp và tiềm ẩn nguy cơ khó lường; việc mở rộng thị trường xuất khẩu sang các thị trường lớn như Châu Âu, Mỹ gặp nhiều khó khăn do các nền kinh tế này tăng trưởng chậm, nhu cầu suy giảm... Những yếu tố trên sẽ tác động mạnh đến sản xuất nông, lâm, thủy sản, đòi hỏi toàn ngành phải nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức để hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

Mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2013 là: *Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tái cơ cấu sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh; đảm bảo sự phát triển bền vững, góp phần giải quyết các vấn đề an sinh xã hội và môi trường.*

Các chỉ tiêu chính:

- Tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt 2,8-3,0%.
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 3,7-4,0%.
- Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thuỷ sản đạt 28,5 tỷ USD.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 40,5%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 82%.
- Sản lượng lúa đạt 43,5 triệu tấn.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Thực hiện tái cơ cấu ngành, đẩy mạnh sản xuất đảm bảo nhu cầu tiêu dùng trong nước và tăng cường xuất khẩu

1.1. Thực hiện tái cơ cấu ngành, đẩy mạnh sản xuất

Triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp tiến hành rà soát quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, cơ cấu cây trồng, vật nuôi và cơ cấu sản phẩm dựa trên lợi thế, ưu tiên phát triển các sản phẩm có khả năng cạnh tranh, có thị trường và giá trị gia tăng cao theo các định hướng sau:

a. Phát triển trồng trọt: Rà soát quy hoạch, xác định cơ cấu cây trồng có lợi thế cạnh tranh và quy mô phù hợp với từng vùng, địa phương; tập trung nâng cao năng suất, chất lượng bằng việc sử dụng các giống mới năng suất, chất lượng cao, bố trí cơ cấu giống, mùa vụ né tránh sâu bệnh và thời tiết xấu; thực hiện quyết liệt các biện pháp dự báo, phòng trừ sâu bệnh; triển khai các chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, phát triển vùng sản xuất chuyên canh, cánh đồng mẫu lớn, gắn với tiêu thụ sản phẩm; triển khai thực hiện Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Đối với cây lương thực: Tiếp tục phát huy lợi thế trồng lúa ở các vùng đồng bằng, thực hiện chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa bắp bênh sang trồng ngô và đậu tương, đồng thời bảo vệ nghiêm 3,8 triệu ha đất trồng lúa, duy trì diện tích gieo cấy lúa khoảng 7,6 triệu ha, đạt sản lượng lúa khoảng 43,5 triệu tấn;

Ôn định diện tích ngô khoảng 1,145 triệu ha, nhưng tăng cường sử dụng giống ngô mới có năng suất cao, một số giống ngô chuyển gen, kết hợp các biện pháp đầu tư thâm canh tăng năng suất để đạt sản lượng gần 5,0 triệu tấn.

Ôn định diện tích trồng sắn ở mức 510 nghìn ha, áp dụng các biện pháp thâm canh tăng năng suất nhưng đồng thời bảo vệ đất, sản lượng đạt khoảng 9,2 triệu tấn.

- *Cây công nghiệp dài ngày*: Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, triển khai chương trình tái canh các vườn cà phê già cỗi, duy trì diện tích cà phê khoảng 594 ngàn ha, sản lượng 1,387 triệu tấn; trồng mới thêm 2,4 ngàn ha chè để đạt diện tích 133 ngàn ha, sản lượng búp tươi là 916 ngàn tấn; trồng mới thêm 40 ngàn ha cao su để đạt 890 ngàn ha, sản lượng mủ 845 ngàn tấn; cải tạo vườn điều bằng các giống có năng suất, chất lượng cao để duy trì diện tích khoảng 300 ngàn ha.

- *Cây công nghiệp ngắn ngày*: Ôn định 290 ngàn ha mía, sản lượng 18,3 triệu tấn; tăng diện tích lạc lên 200 ngàn ha, sản lượng 430 ngàn tấn và 175 ngàn ha cây đậu tương, sản lượng 263 ngàn tấn. Diện tích rau, đậu các loại trên 1 triệu ha, sản lượng đạt 14 triệu tấn rau và 200 ngàn tấn đậu đỗ các loại.

- *Cây ăn quả*: Phát triển các loại cây ăn quả đặc sản, ưu thế của các vùng miền đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Diện tích các cây ăn quả chính đạt khoảng 790 ngàn ha, sản lượng đạt trên 5,5 triệu tấn.

b. Phát triển chăn nuôi: Tiếp tục tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển Chăn nuôi đến năm 2020; từng bước tái cơ cấu trúc ngành theo hướng chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại, truy suất được nguồn gốc; duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng; chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm, tiếp tục phát triển chăn nuôi lợn và gia súc lớn.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án giống vật nuôi, bảo đảm cung cấp đủ giống chất lượng cao, giá thành hợp lý cho người chăn nuôi; chủ động công tác phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành thú y; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc, chất lượng giống, thức ăn chăn nuôi và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chăn nuôi; nghiên cứu các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng thức ăn chăn nuôi, giảm chi phí sản xuất và bảo vệ môi trường.

c. Phát triển thủy sản: Thực hiện rà soát, quy hoạch lại diện tích nuôi trồng thủy sản, đảm bảo các điều kiện nuôi an toàn dịch bệnh; tiếp tục đa dạng hóa đối tượng nuôi, để đáp ứng nhu cầu thị trường và giảm thiểu rủi ro; mở rộng áp dụng VietGAP trên quy mô toàn quốc, đặc biệt đối với các đối tượng nuôi chủ lực có sản lượng lớn và giá trị cao như tôm nước lợ, cá tra, nhuyễn thể hai mảnh vỏ; tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực các cơ sở sản xuất giống thủy sản đảm bảo cung cấp đủ giống tốt, an toàn sạch bệnh cho sản xuất.

Triển khai điều tra, quy hoạch và nâng cao năng lực dự báo ngư trường, nguồn lợi thủy sản; hướng dẫn và quản lý khai thác hải sản theo quy hoạch, tập trung khai thác xa bờ và viễn dương, khai thác các đối tượng có giá trị kinh tế

cao, thị trường tiêu thụ tốt. Thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ hiệu quả và an toàn, hỗ trợ thành lập các tổ đội sản xuất. Xây dựng lực lượng kiểm ngư cùng với phát triển lực lượng thanh tra thủy sản để thực thi các hoạt động hướng dẫn và giám sát thực hiện pháp luật trên biển; khuyến khích sự tham gia của người dân vào quản lý, bảo vệ nguồn lợi biển kết hợp với bảo vệ an ninh, chủ quyền biển đảo.

Ưu tiên và hỗ trợ đầu tư ứng dụng công nghệ thiết bị hiện đại trong bảo quản, chế biến nâng cao giá trị sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch; thực hiện cơ cấu lại sản phẩm chế biến đông lạnh theo hướng giảm tỷ lệ các sản phẩm sơ chế, tăng tỷ trọng các sản phẩm ăn liền, đa dạng hóa mặt hàng chế biến.

d. Bảo vệ và phát triển rừng: Tiếp tục triển khai Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020; quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có, thay thế các diện tích kém hiệu quả bằng rừng trồng có năng suất cao, đáp ứng tiêu chí bền vững và tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng của cả nước; nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 40,5%.

Tiếp tục triển khai giao đất, khoán rừng cho các hộ gia đình, cộng đồng quản lý bảo vệ và phát triển rừng; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư phát triển mạnh rừng sản xuất theo hướng thảm canh và hiệu quả; chuyển đổi cơ cấu sản phẩm từ khai thác gỗ non xuất khẩu dăm gỗ sang khai thác gỗ lớn; phát triển dịch vụ môi trường rừng.

Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ và các địa phương trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý rừng bền vững, ngăn chặn kịp thời các trường hợp vi phạm; quản lý và sử dụng hiệu quả Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam; sắp xếp và nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm để đảm bảo tốt vai trò là lực lượng nòng cốt trong quản lý, bảo vệ rừng.

e. Sản xuất muối: Thực hiện rà soát lại quy hoạch và có biện pháp ổn định diện tích sản xuất muối đã quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ đầu tư nâng cấp các đồng muối đã có kết hợp với mở rộng diện tích, đưa diện tích sản xuất muối cả nước lên 15.058 ha, sản lượng trên 1,0 triệu tấn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và từng bước giảm nhập khẩu muối phục vụ sản xuất công nghiệp.

Đẩy mạnh chế biến muối tinh và muối iốt, dự kiến sản lượng muối qua chế biến đạt trên 450.000 tấn, thông qua chế biến để tiêu thụ muối thô tạo điều kiện ổn định và nâng cao đời sống người dân sản xuất muối.

f. Phát triển công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn: Tiếp tục rà soát quy hoạch các cơ sở chế biến và làng nghề nông thôn; nghiên cứu xây dựng và điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện từng vùng, thị trường. Chú trọng các mặt hàng lợi thế, có sức cạnh tranh cao. Chú ý cả thị trường xuất khẩu và nội địa.

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và 65/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tồn thắt sau thu hoạch đối với nông, thuỷ sản; tăng cường kiểm tra việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở chế biến.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề, giúp các làng nghề, hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống nhưng theo hướng hiện đại có sức cạnh tranh cao. Nghiên cứu xây dựng các mô hình thí điểm xử lý môi trường làng nghề, nhất là các làng nghề tái chế giấy, sắt thép, xử lý nguyên vật liệu mây tre đan và chế biến nông thuỷ sản, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường ở các làng nghề gần khu dân cư tập trung.

1.2. Đẩy mạnh phát triển thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và tăng cường xuất khẩu

Theo dõi chặt chẽ diễn biến cung – cầu, giá cả hàng nông sản, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, đề xuất kịp thời cơ chế chính sách tiêu thụ nông sản kịp thời, hiệu quả, bảo đảm lợi ích cho nông dân, góp phần ổn định thị trường. Đặc biệt, đối với các mặt hàng có khối lượng hàng hóa lớn, là mặt hàng thực phẩm thiết yếu hoặc vật tư đầu vào cho sản xuất như: Lúa gạo, mía đường, muối, phân bón, thuỷ sản,...

Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với các đối tác, mở rộng thị trường xuất khẩu. Nâng cao hiệu quả công tác dự báo thị trường trong và ngoài nước, phổ biến kịp thời thông tin thị trường bảo đảm tiêu thụ hàng hóa kịp thời và hiệu quả cho nông dân, ổn định thị trường.

Thực hiện nghiêm công tác quản lý, kiểm soát chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông, lâm, thuỷ sản và vật tư nông nghiệp xuất, nhập khẩu. Phần đầu đạt kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thuỷ sản khoảng 28,5 tỷ USD.

Tiếp tục rà soát, phối hợp xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, nhất là các chính sách hỗ trợ tín dụng để đầu tư phát triển sản xuất, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động.

2. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp; tăng cường công tác phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai,

2.1 Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng

- *Phát triển hệ thống thủy lợi:* Rà soát quy hoạch thủy lợi, hệ thống các công trình thủy lợi hiện có để có phương án điều chỉnh đầu tư; đổi phó hiệu quả với thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; tăng cường công tác phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai,

Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đáp ứng yêu cầu thâm canh cây trồng, nuôi trồng thuỷ sản và nghề muối; cấp, thoát nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp, phục vụ đời sống dân sinh. Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác các hệ thống công trình thủy nông hiện có.

Các địa phương, đơn vị xây dựng phương án chủ động phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai; tăng cường năng lực đáp ứng yêu cầu chủ động ứng phó kịp thời và có hiệu quả trước mọi tình huống. Tập trung nguồn lực hoàn thành các công trình dở dang; đầu tư mới chủ yếu để đảm bảo an toàn các hồ chứa, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, chống ngập lụt tại các đô thị lớn, các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên cơ sở xem xét kỹ tính cấp bách, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn vốn; đồng thời tiếp tục bảo dưỡng, nâng cấp các công trình hiện có.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thiết kế, xây dựng và quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Tiếp tục triển khai các Chương trình cảng cối, nâng cấp đê biển từ Quảng Ninh đến Quảng Nam (Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg ngày 14/3/2006) và từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang (Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 27/5/2009); Chương trình cảng cối, nâng cấp hệ thống đê sông đến năm 2020 (Quyết định 2068/QĐ-TTg ngày 9/12/2009); tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 04/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ bãi bỏ việc sử dụng các khu phân lũ, làm chậm lũ thuộc hệ thống sông Hồng.

- Phát triển cơ sở hạ tầng thủy sản và nông, lâm nghiệp

Tiếp tục đầu tư các dự án hạ tầng giống thuỷ sản theo quy hoạch hệ thống nghiên cứu, sản xuất và cung ứng giống đến năm 2020; hạ tầng vùng nuôi thuỷ sản tập trung; ưu tiên bố trí vốn hoàn thành các dự án khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng đang dang dở dang sớm hoàn thành đưa vào sử dụng và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cảng cá; hoàn thành dự án hệ thống thông tin nghề cá giai đoạn I, triển khai dự án “Nguồn lợi ven bờ vì sự phát triển bền vững” sử dụng vay vốn của WB.

Tiếp tục triển khai các dự án tăng cường hạ tầng kỹ thuật nông lâm nghiệp, nhất là cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, chọn tạo và nhân giống; cơ sở hạ tầng phục vụ kiểm soát chất lượng, VSATTP; phòng chống dịch bệnh vật nuôi, cây trồng; nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng.

2.2. Tăng cường quản lý vốn đầu tư từ ngân sách và trái phiếu Chính phủ

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/6/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị

quyết số 13-NQ/TU ngày 16/01/2012 của Ban chấp hành Trung ương về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Từng bước thực hiện tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả đầu tư công, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ; rà soát lại các công trình đầu tư dở dang đang bị giãn, hoãn tiến độ, đẩy nhanh việc thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, tập trung đầu tư hoàn thiện các dự án quan trọng đối với sự phát triển của ngành; kiên quyết khắc phục tình trạng dàn trải, kém hiệu quả trong phân bổ và sử dụng vốn đầu tư;

Ưu tiên bố trí vốn hoàn thành các dự án hạ tầng trực tiếp phục vụ sản xuất, khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng đang đầu tư dở dang và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cảng cá; các dự án phục vụ nghiên cứu khoa học, thực hiện chương trình giống; đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ kiểm soát chất lượng, VSATTP; phòng chống dịch bệnh vật nuôi, cây trồng; nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2.3. Tăng cường huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông thôn

Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách huy động nguồn vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp, trong năm tập trung hoàn thành chính sách thu hút đầu tư trực tiếp(FDI) và đối tác công tư (PPP); phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, sửa đổi thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư, nhất là Nghị định 61/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế, hoạt động xúc tiến đầu tư kêu gọi các nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài để phục vụ cho mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp, người sản xuất thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn thông qua các chương trình đầu tư kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề nông thôn,...đồng thời tiếp tục nghiên cứu các chính sách hỗ trợ tín dụng cho sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

3. Tăng cường công tác quản lý chất lượng và VSATTP đối với hàng nông sản và vật tư nông nghiệp

Công tác quản lý chất lượng và VSATTP hàng nông sản và vật tư nông nghiệp được coi là “mệnh lệnh” của ngành trong năm 2013, các nhiệm vụ chính cần tập trung thực hiện là:

Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn thực thi Luật ATTP và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP; kiện toàn hệ thống tổ chức cơ quan quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, hệ thống thanh tra chuyên ngành từ Trung ương đến địa phương.

Tiếp tục thực hiện các chương trình giám sát quốc gia an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; kiểm tra, đánh giá, phân loại chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT trên diện rộng cho tất cả các nhóm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành; tổ chức thanh tra chuyên ngành nhằm xử lý kịp thời, nghiêm khắc các vi phạm về ATTP; tham gia tích cực hoạt động thanh tra, kiểm tra liên ngành về ATTP.

Tăng cường quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo chuỗi trên cơ sở đánh giá nguy cơ; tiếp tục theo dõi và xử lý kịp thời các sự cố mất an toàn thực phẩm. Chủ động đánh giá, cung cấp kịp thời thông tin ATTP cho người tiêu dùng, tránh để người dân thiếu thông tin dẫn đến hiểu lầm, hoang mang; hướng dẫn người sản xuất, kinh doanh cải thiện điều kiện đảm bảo ATTP, người tiêu dùng biết cách lựa chọn sản phẩm an toàn.

Tiếp tục giải quyết các rào cản kỹ thuật liên quan đến xuất khẩu nông lâm thủy sản và kiểm soát chặt chẽ hàng hóa nhập khẩu có nguồn gốc động, thực vật nhằm ngăn chặn hàng kém chất lượng, hàng mất vệ sinh ATTP vào Việt Nam. Năm 2013, tạo được sự chuyển biến tích cực trong việc ngăn chặn thực phẩm nhập lậu, thực phẩm kém chất lượng, không rõ nguồn gốc và không đảm bảo vệ sinh.

Thông qua hệ thống khuyến nông hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Tăng cường quản lý việc nhập khẩu và kinh doanh các loại thuốc bảo vệ thực vật.

4. Tập trung sắp xếp, đổi mới triệt để doanh nghiệp nhà nước, nông lâm trường quốc doanh

Hoàn thành kế hoạch cổ phần hóa nhà nước, tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp; tăng cường sự quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc ngành theo hướng ngày càng tạo thuận lợi hơn cho hoạt động của các doanh nghiệp.

Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 7/1/2013 về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường và giải quyết nợ xấu.

Đẩy nhanh việc rà soát hiện trạng sử dụng quỹ đất rừng, thu hồi diện tích sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả, vượt khả năng quản lý của các lâm trường giao lại cho chính quyền địa phương để cho các tổ chức, cá nhân thuê sử dụng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Các doanh nghiệp chủ động xây dựng và triển khai thực hiện đề án/phương án tái cơ cấu theo hướng tập trung chủ yếu vào ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, là thế mạnh của doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; kiên quyết cắt giảm các dự án đầu tư kém hiệu quả và dự án đầu tư ra ngoài ngành.

5. Phát triển nông thôn, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống đảm bảo an sinh xã hội cho dân cư nông thôn

5.1. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Năm 2013, đẩy mạnh thực hiện Chương trình; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách bao gồm: Bổ sung, sửa đổi Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Chương trình, hướng dẫn thực hiện tiêu chí nông thôn mới; rà soát, bổ sung hướng dẫn cơ chế tài chính, thủ tục cấp phát và giải ngân vốn ngân sách hỗ trợ; sửa đổi cơ chế, thủ tục quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; sớm hoàn thiện và ban hành cơ chế lòng ghép nguồn lực giữa các chương trình; nghiên cứu và đề xuất chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng cho phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; nghiên cứu và ban hành quy chế mẫu về quản lý xây dựng trên địa bàn nông thôn; ban hành bộ định mức quy hoạch nông thôn mới; ban hành bộ kiến trúc mẫu nhà ở, bố trí khuôn viên hộ gia đình nông thôn phù hợp với tập quán, văn hóa các dân tộc để người dân lựa chọn, sử dụng....

Tập trung hoàn thành công tác quy hoạch và lập đề án nông thôn mới cấp xã đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng. Các xã phấn đấu hoàn thành xây dựng nông thôn mới năm 2015 phải xong đề án xây dựng nông thôn mới và quy hoạch chi tiết nông thôn mới.

Các địa phương dành ngân sách bố trí cho Chương trình đồng thời tập trung huy động nguồn lực xã hội để đầu tư, cải tạo làm chuyển biến một bước hạ tầng cơ bản cấp xã, bao gồm: Giao thông, thuỷ lợi, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm xá (đối với miền núi), nhà văn hoá thôn, ấp. Mỗi địa phương cần rà soát, mỗi năm tập trung chỉ đạo hoàn chỉnh một đến hai loại hạ tầng. Ưu tiên nâng cấp, cải thiện các công trình hiện có, hạn chế làm mới và phải bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, bố trí nhân lực để quản lý công trình.

Tập trung tạo chuyển biến về đổi mới cơ cấu và sản xuất để tăng nhanh thu nhập cho cư dân nông thôn. Mỗi thôn, xã xây dựng ít nhất một mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung (*hướng vào cây con phù hợp, nghề lợi thế đã được lựa chọn trong đề án xây dựng nông thôn mới của xã*).

Kiện toàn và củng cố Ban Chỉ đạo và bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp theo hướng tăng cường chuyên trách; các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhất là những người đứng đầu cấp ủy và chính quyền quan tâm chỉ đạo và tuyên truyền, kêu gọi sự tham gia của các tổ chức, các nhân.

Phản đầu đến hết năm 2013, có 200 xã được chính thức công nhận đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, giảm số xã đạt 5 tiêu chí xuống còn dưới 40%; hoàn thành quy hoạch nông thôn mới cho 100% số xã trong cả nước, trong đó 50% số xã có quy hoạch chi tiết, xác định công trình kết cấu hạ tầng phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn. Số xã hoàn thành Đề án xây dựng nông thôn mới đạt 100%. Lồng ghép thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn nông thôn.

5.2. Tiếp tục thực hiện các Chương trình xóa đói giảm nghèo

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình MTQG về giảm nghèo, Chương trình 135 giai đoạn II, tập trung triển khai các đề án hỗ trợ huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ.

Tiếp tục hỗ trợ kinh phí phát triển sản xuất và chuyển đổi cơ cấu kinh tế cho 1.788 xã và 2.701 thôn, bùn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi; hỗ trợ bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng áp dụng kỹ thuật và công nghệ mới để đạt năng suất cao, tăng thu nhập, thoát nghèo bền vững.

5.3. Quy hoạch và điều chỉnh dân cư

Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh cơ chế, chính sách về di dân; ưu tiên bố trí dân cư cho vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai (sạt lở bờ sông, bờ biển, lũ quét,...), hải đảo, vùng xung yếu và rất xung yếu, vùng bảo vệ nghiêm ngặt của rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Thực hiện các dự án bố trí dân cư biên giới Việt - Trung; hạn chế dân di cư tự do và ổn định cho dân di cư đã đến trên địa bàn, nhất là khu vực Tây Nguyên.

Dự kiến bố trí, sắp xếp 23.000 hộ, trong đó bố trí vùng thiên tai 15.000 hộ, vùng đặc biệt khó khăn 2.000 hộ, vùng biên giới, hải đảo 3.000 hộ, vùng xung yếu, rất xung yếu, vùng bảo vệ nghiêm ngặt của rừng phòng hộ và đặc dụng là 500 hộ, và bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do 2.500 hộ.

5.4. Đổi mới và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn

Triển khai tổ chức thực hiện luật Hợp tác xã; nghiên cứu cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế hợp tác, tổ chức hiệp hội ngành hàng; phát triển mô hình liên kết, hợp tác sản xuất giữa doanh nghiệp, nhà khoa học với các hộ nông dân; nhân rộng và phát triển mô hình cánh đồng mẫu lớn trong nông nghiệp, các tổ đội và nghiệp đoàn trên biển.

Khuyến khích và hỗ trợ các hộ sản xuất áp dụng khoa học công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm để phát triển kinh tế hộ theo hướng chuyên môn hóa, sản xuất quy mô lớn hiện đại.

Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi hơn cho kinh tế trang trại sản xuất hàng hóa lớn, tập trung với các điều kiện và yếu tố sản xuất theo hướng công nghiệp, hiện đại.

Hỗ trợ các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề dịch vụ ở nông thôn, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho nông dân, kích thích tiêu dùng cho khu vực nông thôn.

5.5. Thực hiện Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Triển khai thực hiện Chương trình MTQG Nước sạch và VSMTNT giai đoạn 2011-2015. Năm 2013, dự kiến kế hoạch đưa tỷ lệ dân nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh lên 82%. Tập trung ưu tiên cho các công trình cấp nước sạch và VSMTNT các xã nông thôn mới, các vùng sâu, vùng xa; vùng ven biển; các vùng thường bị thiên tai hạn hán, lũ lụt; vùng nguồn nước bị ô nhiễm.

Chú trọng thực hiện kế hoạch về vệ sinh môi trường nông thôn, đưa tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh lên 61%. Hướng dẫn các địa phương (làng, xã) tổ chức dịch vụ thu gom rác thải trong các thôn, xóm, áp để xử lý chung, tránh gây ô nhiễm hồ, ao, đường xá. Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý nghiêm đối với các cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh công nghiệp tại nông thôn gây ô nhiễm môi trường.

Hướng dẫn các cơ sở gia trại, trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi lớn gia súc, gia cầm, ao đầm nuôi thuỷ sản thực hiện nghiêm quy trình bảo vệ môi trường, bao gồm cả xử lý chất thải và môi trường ao nuôi.

5.6. Phát triển ngành nghề nông thôn

Quy hoạch các làng nghề gắn với quy hoạch xử lý môi trường làng nghề. Trên cơ sở các mô hình điểm về xử lý môi trường ở các cơ sở công nghiệp chế biến, các làng nghề; xây dựng kế hoạch trung và dài hạn về giải quyết môi trường các cơ sở này theo từng địa phương và cả nước, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường ở các làng nghề gần khu dân cư tập trung.

Triển khai thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; triển khai Dự án hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo giúp các làng nghề, hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống nhưng theo hướng hiện đại có sức cạnh tranh cao.

6. Tăng cường công tác khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực và hợp tác quốc tế

6.1. Công tác nghiên cứu và chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ

Tiếp tục phát triển đa dạng hóa các tổ chức nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ; tiếp tục đổi mới hoạt động của các cơ sở nghiên cứu khoa học theo Nghị định 115/NĐ-CP của Chính phủ

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 1/11/2012 của ban Chấp hành TW Đảng khóa XI về "Phát triển khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;" và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết này; triển khai thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ về Đề án "Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập".

Trong năm 2013, công tác nghiên cứu khoa học công nghệ tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau: Nghiên cứu chọn tạo các giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học trong quá trình chọn tạo giống; nghiên cứu phát triển các quy trình sản xuất nông lâm thủy sản sử dụng hiệu quả vật tư để đạt năng suất cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, giảm phát thải nhà kính; phát triển sản phẩm của các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phòng chống dịch bệnh... đảm bảo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP); nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông lâm thủy sản, đổi mới quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn...

Tiếp tục đổi mới phương pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông theo hướng thực hiện khuyến nông theo chương trình, dự án và tăng cường sự tham gia của người dân; coi nhiệm vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật là chìa khóa để tạo sự bứt phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất.

6.2. Đào tạo nguồn nhân lực

Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước; lựa chọn các cán bộ trẻ học giỏi, có tâm huyết gửi đi đào tạo chuyên ngành ở các nước chuẩn bị cho lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật, quản lý có trình độ cao của ngành trong tương lai.

Triển khai mạnh chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tập trung đào tạo lao động nông thôn làm nông nghiệp theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; ưu tiên thực hiện chương trình tạo việc làm để

xóa đói, giảm nghèo; tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách xã hội được hưởng các dịch vụ công của nhà nước; đào tạo cán bộ quản lý, trước hết là cán bộ HTX, chủ trang trại, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ.

6.3. Tăng cường công tác hội nhập và hợp tác quốc tế

Thực hiện kế hoạch hành động về hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2011-2015, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đã ký kết; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định có tính cạnh tranh cao để nông nghiệp Việt Nam phát triển lành mạnh theo kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục đàm phán về thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm và mở rộng thị trường nâng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản. Đàm phán, tiếp xúc với các nước trong khu vực để xây dựng các thỏa thuận song phương và đa phương nhằm đảm bảo an toàn cho người dân, duy trì sản lượng đánh bắt thủy sản.

Xây dựng và triển khai kế hoạch hợp tác quốc tế nhằm tăng cường hợp tác, thu hút các nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài để phục vụ cho mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn.

7. Chấn chỉnh lại bộ máy tổ chức ngành; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước của ngành.

7.1. Chấn chỉnh lại bộ máy tổ chức ngành

Tiến hành kiện toàn hệ thống tổ chức của Bộ sau khi Nghị định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ được ban hành; phối hợp với các Bộ, địa phương sắp xếp, củng cố và tăng cường năng lực cho bộ máy quản lý ngành tại các địa phương, đảm bảo sự chỉ đạo nhanh nhẹn, thông suốt, chủ động và hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 1973/CT-TTg ngày 7/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tạo sự chuyển biến về thái độ phục vụ của đội ngũ công chức và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước của ngành.

7.2. Xây dựng văn bản pháp luật

Thực hiện chương trình xây dựng các văn bản pháp luật thuộc phạm vi chức năng của ngành, tập trung xây dựng, hoàn thiện hồ sơ 05 dự án Luật: Luật Thú y, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Thuỷ lợi; Luật Thủ sản sửa đổi và Dự án Luật Phòng chống thiên tai. Dự kiến trình Quốc hội thông qua dự án Luật Phòng chống thiên tai tại kỳ họp thứ VI (tháng 5/2013); Luật bảo vệ và

Kiểm dịch thực vật, Luật Thú y trình Quốc hội thông qua vào kỳ họp thứ VII (tháng 10/2013).

Nghiên cứu, sớm ban hành cơ chế, chính sách phù hợp về kinh doanh cá tra có điều kiện, về thu mua, tạm trữ lúa gạo.

- Tiếp tục cải cách hành chính, hiện đại hóa công sở phục vụ công tác quản lý ngành

Triển khai kế hoạch cải cách hành chính năm 2013 với mục tiêu chung là nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác cải cách hành chính, góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn trong các lĩnh vực, có tác động trực tiếp đến quản lý, lãnh đạo của ngành với nhiệm vụ trọng tâm là công tác tổ chức và cán bộ, cải cách thể chế và cải cách thủ tục hành chính.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, công bố công khai, minh bạch, đầy đủ, kịp thời thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; tập trung nguồn lực, bảo đảm thực thi hiệu quả việc đơn giản hóa thủ tục hành chính tạo điều kiện cho các cơ sở, địa phương giải quyết nhanh các yêu cầu, đáp ứng có hiệu quả sản xuất kinh doanh; tích cực triển khai, duy trì thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008 theo quy định; triển khai thực hiện đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, nhất là các đơn vị có thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn ngành, tiếp tục đầu tư trang thiết bị phục vụ tin học; thường xuyên cập nhật cung cấp thông tin hai chiều, tổ chức công tác giao ban trực tuyến giữa Bộ và các địa phương, các doanh nghiệp.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; nghiêm túc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng

Củng cố, kiện toàn bộ máy thanh tra chuyên ngành từ Trung ương đến địa phương; bổ sung biên chế, trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật và kinh phí cho thanh tra Sở và Chi cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; Thực hiện các cuộc thanh tra chủ động, thanh tra đột xuất do Thanh tra Bộ, thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT và thanh tra các Tổng cục, Cục chuyên ngành thực hiện.

Nghiêm túc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí theo kết luận của Hội nghị Trung ương 5 khóa XI; chú trọng thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; tăng cường thanh tra, kiểm tra, điều tra phát hiện tham nhũng và xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi tham nhũng.

9. Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng.

Tiếp tục kiện toàn hệ thống thống kê ngành trên cơ sở quy trình nghiệp vụ và chế độ báo cáo thống kê ngành đã được chuẩn hóa; tập trung hoàn thành có trọng điểm các nội dung tăng cường năng lực hệ thống thống kê ngành; tăng cường năng lực công tác dự báo, phân tích để thường xuyên cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về sản xuất, thiên tai, thị trường phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và sản xuất kinh doanh.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2013. Tăng cường công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm. Chủ động thông tin định hướng dư luận, nhất là các vấn đề nhạy cảm như chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, vật tư nông nghiệp, chương trình xây dựng nông thôn mới... Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh trung thực hoạt động của ngành; phát hiện, phê phán và ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tiêu cực, sáu nhiễu và tuyên dương những gương tốt, những việc làm hay để nhân rộng trong toàn ngành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tổng công ty, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, căn cứ vào Chương trình hành động này để xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm các đơn vị tiến hành rà soát báo cáo Bộ kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: Việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành và nguyên nhân.

3. Giao Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị tại cuộc họp giao ban thường kỳ tháng của lãnh đạo Bộ./.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)



Cao Đức Phát

**CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 01/NQ-CP NGÀY 07/01/2013 CỦA CHÍNH PHỦ**

Phụ lục 1

**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 01/NQ-CP
NGÀY 07/01/2013 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-BNN-KH ngày 23 tháng 01 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Số TT	Hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Rà soát, hoàn thiện quy hoạch ngành, lĩnh vực và điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi dựa trên lợi thế cạnh tranh theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và liên kết giữa các loại quy hoạch	Các Tổng cục, Cục, các Sở Nông nghiệp và PTNT	Vụ Kế hoạch
2	Hướng dẫn, theo dõi thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu và Chương trình hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết trên	Ban Đổi mới và QLĐN NN	Các Sở Nông nghiệp và PTNT, các doanh nghiệp
3	Theo dõi, đôn đốc và kiểm tra tình hình thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn TPCP	Vụ Kế hoạch	Các Tổng cục: Thủy lợi, Thủy sản, Lâm nghiệp; Cục QLXDCT; các Chủ đầu tư
4	Triển khai thực hiện Nghị quyết 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập”	Vụ Tài chính	Vụ KH,CN&MT; Vụ TCCB; các Tổng cục, Cục có đơn vị sự nghiệp công lập; các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ; các Sở Nông nghiệp & PTNT
5	Thực hiện nghiêm các cơ chế, chính sách kiểm soát chất lượng hàng xuất khẩu; kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu	Cục Quản lý chất lượng NLT sản	Các Cục: BVTV, Chăn nuôi, Thủ ý; Tổng cục: Thủy sản, Lâm nghiệp
6	Tăng cường và nâng cao chất lượng thông tin thống kê, dự báo đối với ngành, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; thực hiện tốt cơ chế phối hợp, cung cấp, phổ biến thông tin trong công tác thống kê, dự báo	Trung tâm Tin học - Thông kê	Vụ Kế hoạch; các đơn vị; các Sở Nông nghiệp & PTNT
7	Đẩy mạnh Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Cục Kinh tế hợp tác & PTNT	Các đơn vị, các Sở Nông nghiệp & PTNT

8	Triển khai hiệu quả Chương trình dạy nghề nông cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2020 theo Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ	Vụ Tổ chức cán bộ; Trung tâm Khuyến nông QG	Các Sở Nông nghiệp & PTNT
9	Nâng rộng mô hình cánh đồng mẫu lớn áp dụng quy trình sản xuất tốt VietGap trong sản xuất lúa; hướng dẫn và theo dõi thực hiện Nghị định 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa	Cục Trồng trọt	Các Sở Nông nghiệp & PTNT
10	Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách phù hợp về kinh doanh cá tra	Tổng cục Thủy sản	Các Sở Nông nghiệp & PTNT, các Hiệp hội ngành hàng
11	Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách phù hợp về thu mua tạm trữ lúa gạo	Cục Chế biến, TM NLTS và NM	Vụ Kế hoạch; Cục Trồng trọt; các Sở Nông nghiệp & PTNT; Hiệp hội lương thực
12	Nghiên cứu cơ chế, chính sách phù hợp để tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào nông nghiệp, nông thôn	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị
13	Nghiên cứu cơ chế, chính sách phù hợp để tăng cường thu hút đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP) vào nông nghiệp, nông thôn	Vụ Kế hoạch	Các đơn vị
14	Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ, đảm bảo quyền lợi người trồng, bảo vệ, khai thác rừng hợp lý, hiệu quả.	Tổng cục Lâm nghiệp	Vụ Kế hoạch

Phu lục 2

CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-BNN-KH ngày 23 tháng 01 năm 2013 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Thời gian trình Chính phủ	Thời gian trình Quốc hội cho ý kiến	Thời gian trình Quốc hội thông qua
1	Luật Phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai	Tổng cục Thuỷ lợi	TT. Hoàng Văn Thắng	Đã trình năm 2012	Đã trình năm 2012	Tháng 5/2013
2	Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	TT. Bùi Bá Bồng	Tháng 2/2013	Tháng 5/2013	Tháng 11/2013
3	Luật Thú y	Cục Thú y	TT. Vũ Văn Tám	Tháng 2/2014	Tháng 5/2014	Tháng 11/2014
4	Luật Thuỷ lợi	Tổng cục Thuỷ lợi	TT. Hoàng Văn Thắng	Tháng 2/2015	Tháng 5/2015	Tháng 11/2015
5	Luật Thuỷ sản sửa đổi	Tổng cục Thuỷ sản	TT. Vũ Văn Tám	Tháng 5/2015	Tháng 11/2015	Tháng 5/2016

Km

Phụ lục 3

**CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QPPL TRÌNH CHÍNH PHỦ,
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2013**

(Kèm theo Quyết định số 32/QĐ-TTg/KH ngày 23 tháng 01 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH THỨC

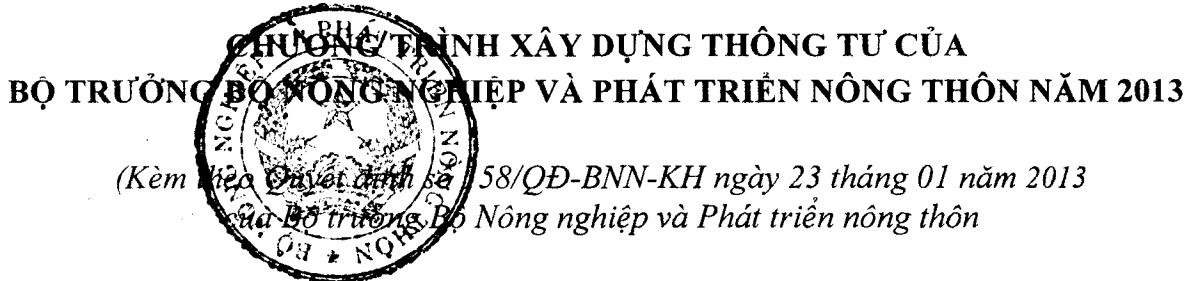
TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
I	Nghị định của Chính phủ (12 văn bản)			
1	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 3	Chuyển từ 2012
2	Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra nông nghiệp và phát triển nông thôn	Thanh tra Bộ	Tháng 10	
3	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 3	
4	Nghị định thay thế Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 12	
5	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Tháng 3	
6	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều; phòng, chống lụt, bão	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 3	
7	Nghị định hướng dẫn Luật Phòng, chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 12	
8	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 05/5/2007 về quản lý an toàn đập	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 12	
9	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi	Cục Thú y	Tháng 3	
10	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 3	
11	Nghị định quản lý, sản xuất kinh doanh phân bón	Cục Trồng trọt	Tháng 6	Chuyển từ 2012
12	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/2/2010 về quản lý thức ăn chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 9	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
II	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (04 văn bản)			
1	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc cấm nhập khẩu mẫu vật một số loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 5	Chuyển từ 2012
2	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định phụ cấp, chế độ bồi dưỡng của kiêm ngư viên, thuyền viên tàu kiêm ngư	Tổng cục Thủy sản	Tháng 6	
3	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách chăn nuôi nông hộ	Cục Chăn nuôi	Tháng 6	
4	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế trang trại	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 12	

2. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN BỊ

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
I	Nghị định của Chính phủ (02 văn bản)			
1	Nghị định quy định về quản lý cá tra, cá ba sa	Tổng cục Thủy sản	Tháng 12	
2	Nghị định quy định về sản xuất, kinh doanh mía đường	Cục Chế biến TMNLTS&NM	Tháng 12	
II	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (04 văn bản)			
1	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về mức chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với các nhà máy thủy điện có xây dựng hệ thống tích năng, các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước	Vụ KHCN &MT	Tháng 6	
2	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đồng quản lý rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 5	
3	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách đối với Ban quản lý rừng phòng hộ	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 9	
4	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế quản lý rừng ven biển	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 12	

Phụ lục 4



1. CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH THỨC (63 văn bản)

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
1	Thông tư hướng dẫn về quy trình, thủ tục đầu tư từ nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và mua sắm, xử lý tài sản cố định tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ và các Ban quản lý dự án thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT	Vụ Tài chính	Tháng 9	
2	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính đối với chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015	Vụ Tài chính	Tháng 9	
3	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2010/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2010 về xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 6	Chuyển từ 2012
4	Thông tư liên tịch của Bộ Nông nghiệp và PTNT-Bộ Nội vụ thay thế Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15/5/2008 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 7	Chuyển từ 2012
5	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và PTNT- Bộ Nội vụ hướng dẫn về biên chế kiểm lâm	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 9	
6	Thông tư quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen và sản phẩm từ thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thức ăn chăn nuôi	Vụ KHCN & MT	Tháng 4	Chuyển từ 2012
7	Thông tư hướng dẫn biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp	Vụ KHCN & MT	Tháng 4	Chuyển từ 2012
8	Thông tư hướng dẫn chi tiết về việc ghi nhãn đối với thực phẩm biến đổi gen	Vụ KHCN & MT	Tháng 5	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
9	Thông tư quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm	Vụ KHCN &MT	Tháng 6	
10	Thông tư thay thế Thông tư số 28/2009/TT-BNN ngày 02/6/2009 quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thông tư số 49/2011/TT-BNN&PTNT ngày 15/7/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BNNPTNT	Vụ Pháp chế	Tháng 4	
11	Thông tư quy định về tiêu chuẩn, thẻ và trang phục công chức thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Thanh tra Bộ	Tháng 4	Chuyển từ 2012
12	Thông tư ban hành Danh mục bổ sung sản phẩm thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Quý/lần	
13	Thông tư ban hành Danh mục bổ sung sản phẩm xử lý cài tạo môi trường nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Quý/lần	
14	Thông tư quy định về quản lý giống thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Tháng 2	Chuyển từ 2012
15	Thông tư quy định mẫu, màu sắc của trang phục, phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu, biểu trưng kiểm ngư; mẫu thiết kế, màu sơn tàu kiểm ngư, phương tiện chuyên dùng cho nhiệm vụ kiểm ngư	Tổng cục Thủy sản	Tháng 3	
16	Thông tư ban hành Quy chế quản lý thông tin giám sát tàu cá	Tổng cục Thủy sản	Tháng 4	Chuyển từ 2012
17	Thông tư hướng dẫn về quản lý khu bảo tồn biển Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Tháng 5	Chuyển từ 2012
18	Thông tư quy định về quản lý nghề lưới kéo	Tổng cục Thủy sản	Tháng 6	Chuyển từ 2012
19	Thông tư quy định về quản lý chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất cải tạo xử lý môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Tháng 6	Chuyển từ 2012
20	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và PTNT-Bộ Nội vụ quy định ngạch, mã ngạch kiểm ngư viên là công chức, thuyền viên tàu kiểm ngư	Tổng cục Thủy sản	Tháng 7	
21	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và PTNT-Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động của kiểm ngư và việc thanh toán chi phí của các cơ quan thực hiện lệnh huy động, điều động lực lượng, phương tiện của người có thẩm quyền	Tổng cục Thủy sản	Tháng 7	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
22	Thông tư thay thế Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy chế quản lý gấu nuôi	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	Chuyển từ 2012
23	Thông tư quy định về tiêu chí và quản lý vùng đệm của rừng đặc dụng và vành đai của khu bảo tồn biển	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	Chuyển từ 2012
24	Thông tư hướng dẫn việc quản lý, sử dụng các khoản đóng góp Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	
25	Thông tư hướng dẫn trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyên mục đích sử dụng sang mục đích khác	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 7	
26	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và PTNT-Bộ Công an quy định về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong lực lượng kiểm lâm	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 9	Chuyển từ 2012
27	Thông tư hướng dẫn xây dựng phương án quản lý rừng bền vững	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 12	
28	Thông tư ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 12	
29	Thông tư hướng dẫn quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 4	Chuyển từ 2012
30	Thông tư hướng dẫn về trình tự, thủ tục xử lý đột xuất sự cố đê điều	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 5	Chuyển từ 2012
31	Thông tư quy định định mức duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 6	Chuyển từ 2012
32	Thông tư hướng dẫn lập, thẩm định và ban hành quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 7	Chuyển từ 2012
33	Thông tư hướng dẫn phân cấp đê	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 8	Chuyển từ 2012
34	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 về kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 6	Chuyển từ 2012
35	Thông tư liên tịch sửa đổi bổ sung Thông tư liên tịch số 31/2009/TTLT-BNV-BNNPTNT ngày 05/6/2009 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 8	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
	trực thuộc Sở NN&PTNT.			
36	Thông tư thay thế Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 10	
37	Thông tư ban hành danh mục bổ sung thuốc thú y, vắc xin chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam	Cục Thú y	Tháng 4, 11	
38	Thông tư hướng dẫn việc thu thập và báo cáo thông tin dịch bệnh trên động vật trong hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước	Cục Thú y	Tháng 5	
39	Thông tư quy định về trình tự, thủ tục kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản	Cục Thú y	Tháng 5	Chuyển từ 2012
40	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 27/2009/TT-BNNPTNT ngày 28/5/2009 quy định về kiểm dịch nhập khẩu trâu, bò từ các nước Lào và Campuchia vào Việt Nam	Cục Thú y	Tháng 5	Chuyển từ 2012
41	Thông tư quy định về trình tự, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; gửi, nhận mẫu bệnh phẩm; kiểm tra vệ sinh thú y	Cục Thú y	Tháng 6	Chuyển từ 2012
42	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 87/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 ban hành quy trình kiểm soát giết mổ động vật	Cục Thú y	Tháng 7	Chuyển từ 2012
43	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2009/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2009 quy định về phòng chống dịch bệnh cho động vật thủy sản	Cục Thú y	Tháng 7	
44	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 37/2011/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 23/5/2011 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cục Thú y	Tháng 8	
45	Thông tư ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam	Cục Trồng trọt	Quý/lần	
46	Thông tư ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam	Cục Trồng trọt	Quý/lần	
47	Thông tư ban hành Danh mục bổ sung loài cây trồng được bảo hộ tại Việt Nam	Cục Trồng trọt	Tháng 2	Chuyển từ 2012
48	Thông tư quy định về công nhận các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt quốc tế và tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Cục Trồng trọt	Tháng 3	Chuyển từ 2012

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
49	Thông tư hướng dẫn tiêu chí xác định vùng nuôi trồng thủy sản, vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Cục Trồng trọt	Tháng 3	Chuyển từ 2012
50	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Cục Trồng trọt	Tháng 6	Chuyển từ 2012
51	Thông tư hướng dẫn phương án sử dụng lớp đất mặt và bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển mục đích sử dụng theo Nghị định 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa	Cục Trồng trọt	Tháng 6	
52	Thông tư xác định tiêu chuẩn giống lúa được hỗ trợ theo Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg về giám tồn thắt sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản	Cục Trồng trọt	Tháng 6	
53	Thông tư ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật và Danh mục bổ sung thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 2, 5, 9	
54	Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục kiểm tra chứng nhận an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 3	Chuyển từ 2012
55	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	Cục Kinh tế hợp tác & PTNT	Tháng 5	Chuyển từ 2012
56	Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung TT LT số 26/2011/TTLT-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 13/4/2012 của liên Bộ hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Cục Kinh tế hợp tác & PTNT	Tháng 6	Chuyển từ 2012
57	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 84/2011/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2011 quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý	Cục Quản lý xây dựng công trình	Tháng 6	
58	Thông tư ban hành Danh mục bổ sung giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh	Cục Chăn nuôi	Quý/lần	
59	Thông tư quy định tạm thời điều kiện nuôi chim yến	Cục Chăn nuôi	Tháng 3	Chuyển từ 2012
60	Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 61/2002/QĐ-BNN ngày 16/7/2002 về Danh mục hàng hoá giống vật nuôi phải công bố tiêu chuẩn chất lượng.	Cục Chăn nuôi	Tháng 5	
61	Thông tư quy định về bảo vệ môi trường đối với hoạt động	Cục	Tháng 6	Chuyển

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
	chăn nuôi	Chăn nuôi		từ 2012
62	Thông tư ban hành Danh mục kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 6	
63	Thông tư quy định về khảo nghiệm, kiểm định và công nhận chế phẩm xử lý cải tạo môi trường chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 8	

2. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN BỊ (26 văn bản)

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
1	Thông tư liên tịch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ quy định hệ thống danh mục, tiêu chuẩn và mã số chức danh nghề nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 12	
2	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 63/2011/TB-BNNPTNT ngày 30/9/2011 Hướng dẫn công tác thi đua và khen thưởng trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 12	
3	Thông tư hướng dẫn Nghị định về tổ chức và hoạt động của thanh tra nông nghiệp và phát triển nông thôn	Thanh tra Bộ	Tháng 12	
4	Thông tư hướng dẫn quản lý công tác quan trắc môi trường nông nghiệp nông thôn	Vụ KHCN & MT	Tháng 12	
5	Thông tư hướng dẫn công tác lập, phê duyệt ĐMC, ĐTM các dự án nông nghiệp, nông thôn	Vụ KHCN & MT	Tháng 12	
6	Thông tư thay thế Thông tư 37/2009/TT-BNNPTNT, Thông tư 38/2009/TT-BNNPTNT và Thông tư 06/2011/TT-BNNPTNT hướng dẫn hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ KHCN & MT	Tháng 12	
7	Thông tư hướng dẫn công nhận tiền bộ kỹ thuật và công nghệ mới của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vụ KHCN & MT	Tháng 12	
8	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và PTNT-Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định chế độ của kiêm ngư viên, thuyền viên tàu Kiêm ngư nếu bị thương, bị hy sinh	Tổng cục Thủy sản	Tháng 8	
9	Thông tư ban hành quy chế mẫu về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; biểu mẫu giấy tờ sử dụng	Tổng cục Thủy sản	Tháng 8	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
	trong quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá			
10	Thông tư thay thế Quyết định số 96/2007/QĐ-BNN ngày 28/11/2007 về việc ban hành Quy chế đăng kiểm tàu cá	Tổng cục Thủy sản	Tháng 12	
11	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và PTNT-Bộ Nội vụ-Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và nhân sự đối với đơn vị sự nghiệp công lập quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	Tổng cục Thủy sản	Tháng 12	
12	Thông tư quy định về tổ chức lực lượng; quyền hạn, trách nhiệm; trang thiết bị; đào tạo, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ rừng cơ sở	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 12	
13	Thông tư hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 12	
14	Thông tư quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm và trình tự, thủ tục kiểm tra, chứng nhận đảm bảo ATTP đối với dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 10	
15	Thông tư quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các chợ đầu mối, đầu giá nông sản	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 11	
16	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2009/TT-BNNPTNT ngày 28/4/2009 hướng dẫn yêu cầu về giống vật nuôi, kiểm dịch vận chuyển giống vật nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh phát triển chăn nuôi	Cục Thú y	Tháng 8	Chuyển từ 2012
17	Thông tư quy định các bệnh phải kiểm tra định kỳ, các bệnh phải giết mổ, giết hủy bắt buộc	Cục Thú y	Tháng 10	
18	Thông tư hướng dẫn phòng chống bệnh nhiệt thán	Cục Thú y	Tháng 11	
19	Thông tư hướng dẫn phòng chống bệnh tụ huyết trùng trâu bò	Cục Thú y	Tháng 12	
20	Thông tư sửa đổi Quyết định số 79/2005/QĐ-BNN ngày 05/12/2005 quy định về trao đổi quốc tế nguồn gen cây trồng quý hiếm	Cục Trồng trọt	Tháng 12	
21	Thông tư quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón	Cục Trồng trọt	Tháng 12	
22	Thông tư sửa đổi Quyết định số 69/2004/QĐ-BNN ngày	Cục	Tháng	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
	03/10/2004 về danh mục giống cây trồng quý hiếm cấm xuất khẩu	Trồng trọt	12	
23	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều của Nghị định 08/2010/NĐ-CP	Cục Chăn nuôi	Tháng 6	
24	Thông tư hướng dẫn tiêu chí chăn nuôi nông hộ	Cục Chăn nuôi	Tháng 10	
25	Thông tư Ban hành mã số HS của Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 9	
26	Thông tư Ban hành mã số HS của thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng và cấm sử dụng ở Việt Nam	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 12	

